

CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 213 /NMĐSH1-TM

Hậu Giang, ngày 13 tháng 02 năm 2025

V/v cung cấp báo giá hàng hóa: Mua sắm vật tư
tiêu hao phục vụ công tác BDSC năm 2025 -
Phần Vật tư tiêu hao thay thế

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ công tác BDSC năm 2025 - Phần Vật tư tiêu hao thay thế”. NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:
 - Danh mục hàng hóa: như Phụ lục đính kèm
 - Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây.
 - Cung cấp tài liệu nhà sản xuất, cung cấp CO,CQ/các tài liệu liên quan khác.
2. Tiến độ cung cấp: 120 ngày kể từ ngày đặt hàng/Hợp đồng có hiệu lực.
3. Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang..
4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 15 h00 ngày 25/02/2025.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: *Vũ Hồng Vân (SĐT: 0939 751 651) - Phòng Thương mại – NMĐ Sông Hậu 1.*

Địa chỉ: *ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.*

Email: *giangtth@pvpgb.vn; hanhhx@pvpgb.vn; vanvh@pvpgb.vn.*

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Nhà máy (để b/c);
- Phòng/PX: KTATMT;
- Lưu VT, TM (V.H.V).

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chính

PHẠM VI CÔNG VIỆC ĐÍNH KÈM CÔNG VĂN SỐ 213 /NMĐSH1-TM NGÀY 13 /02/2025
(Danh mục vật tư tiêu hao phục vụ công tác BDSC năm 2025 - Phân Tiêu hao thay thế)

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Annual Spares Kit (Silica Analyzer)	Bộ phụ kiện thay thế định kỳ hàng năm dùng trong máy phân tích Silica (phù hợp cho máy sản xuất sau T10/2010), bao gồm: con quay (04 cái), bộ lọc PTFE (1 gói), ống bơm nhu động(04 cái) Xuất xứ: ABB/UK - (Tương đương Odercod AW601155 được sử dụng cho máy phân tích Silica ABB navigator 600)	AW601155	ABB	USA	Bộ	4	
2	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M10 x 30	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4017 M10 x 30, 50pcs/Box.	M10x30	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	4	
3	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M10 x 40	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4017 M10 x 40, 50pcs/Box.	M10x40	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	6	
4	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M10 x 50	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4017 M10 x 50, 50pcs/Box.	M10x50	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	2	
5	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M10 x 60	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4017 M10 x 60, 50pcs/Box.	M10x60	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	3	
6	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M12 x 30	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4017 M12 x 30, 25pcs/Box.	M12x30	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	5	
7	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M12 x 40	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4017 M12 x 40, 25pcs/Box.	M12x40	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	14	
8	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M12 x 50	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4017 M12 x 50, 25pcs/Box.	M12x50	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	14	
9	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M12 x 60	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4017 M12 x 60, 25pcs/Box.	M12x560	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	14	
10	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M14 x 30	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4014 M14 x 30, 25pcs/Box.	M14x30	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	8	
11	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M14 x 50	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4014 M14 x 50, 25pcs/Box.	M14x50	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	1	
12	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M14 x 60	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4014 M14 x 60, 25pcs/Box.	M14x60	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	6	
13	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M16 x 30	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4014 M16 x 30, 25pcs/Box.	M16x30	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	5	
14	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M16 x 40	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4014 M16 x 40, 25pcs/Box.	M16x40	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	8	
15	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M16 x 60	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4014 M16 x 60, 25pcs/Box.	M16x60	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	9	
16	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M16 x 70	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4014 M16 x 70, 25pcs/Box.	M16x70	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	6	
17	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M16 x 80	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4014 M16 x 80, 25pcs/Box.	M16x80	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	11	
18	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M18 x 10	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4014 M18 x 100, 10pcs/Box.	M18x100	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	1	
19	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M18 x 60	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4014 M18 x 60, 10pcs/Box.	M18x60	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	10	
20	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M20 x 100	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4014 M20 x 100, 10pcs/Box.	M20x100	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	11	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	DVT	Số lượng	Ghi chú
21	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M20 x 70	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4014 M20 x 70, 10pcs/Box.	M20x70	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	1	
22	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M24 x 100	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4014 M24 x 100, 10pcs/Box.	M24x100	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	8	
23	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M24 x 70	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4014 M24 x 70, 10pcs/Box.	M24x70	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	4	
24	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M8 x 30	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4017 M8 x 30, 50pcs/Box.	M8x30	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	10	
25	Bu lông chống ăn mòn, cường độ cao M8 x 50	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4017 M8 x 50, 50pcs/Box.	M8x50	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	7	
26	Bu lông mạ kẽm M12x30	M12x30 (8.8), 1 bộ bao gồm: 1 bu lông + 1 đai ốc + 2 vòng đệm DIN933	M12x30	SCRSTAR/Aozhan	Asia	Bộ	50	
27	Bu lông mạ kẽm M12x50	M12x50 (8.8), 1 bộ bao gồm: 1 bu lông + 1 đai ốc + 2 vòng đệm DIN933	M12x50	SCRSTAR/Aozhan	Asia	Bộ	30	
28	Bu lông mạ kẽm M12x60	M12x60 (8.8), 1 bộ bao gồm: 1 bu lông + 1 đai ốc + 2 vòng đệm DIN933	M12x60	SCRSTAR/Aozhan	Asia	Bộ	20	
29	Bu lông mạ kẽm M14x60	M14x60 (8.8), 1 bộ bao gồm: 1 bu lông + 1 đai ốc + 2 vòng đệm DIN933	M14x60	SCRSTAR/Aozhan	Asia	Bộ	10	
30	Bu lông mạ kẽm M16x100	M16x100 (8.8), 1 bộ bao gồm: 1 bu lông + 1 đai ốc + 2 vòng đệm DIN933	M16x100	SCRSTAR/Aozhan	Asia	Bộ	50	
31	Bu lông mạ kẽm M16x80	M16x80 (8.8), 1 bộ bao gồm: 1 bu lông + 1 đai ốc + 2 vòng đệm DIN933	M16x80	SCRSTAR/Aozhan	Asia	Bộ	16	
32	Bu lông mạ kẽm M18x100	M18x100 (8.8), 1 bộ bao gồm: 1 bu lông + 1 đai ốc + 2 vòng đệm DIN933	M18x100	SCRSTAR/Aozhan	Asia	Bộ	30	
33	Bu lông mạ kẽm M18x80	M18x80 (8.8), 1 bộ bao gồm: 1 bu lông + 1 đai ốc + 2 vòng đệm DIN933	M18x80	SCRSTAR/Aozhan	Asia	Bộ	110	
34	Bu lông mạ kẽm M20x100	M20x100 (8.8), 1 bộ bao gồm: 1 bu lông + 1 đai ốc + 2 vòng đệm DIN933	M20x100	SCRSTAR/Aozhan	Asia	Bộ	90	
35	Bu lông mạ kẽm M22x100	M22x100 (8.8), 1 bộ bao gồm: 1 bu lông + 1 đai ốc + 2 vòng đệm DIN933	M22x100	SCRSTAR/Aozhan	Asia	Bộ	10	
36	Bu lông mạ kẽm M22x110	M22x110 (8.8), 1 bộ bao gồm: 1 bu lông + 1 đai ốc + 2 vòng đệm DIN933	M22x110	SCRSTAR/Aozhan	Asia	Bộ	150	
37	Bu lông mạ kẽm M5x10	M5x10 (8.8), 1 bộ bao gồm: 1 bu lông + 1 đai ốc + 2 vòng đệm DIN933	M5x10	SCRSTAR/Aozhan	Asia	Bộ	40	
38	Bu lông mạ kẽm M5x30	M5x30 (8.8), 1 bộ bao gồm: 1 bu lông + 1 đai ốc + 2 vòng đệm DIN933	M5x30	SCRSTAR/Aozhan	Asia	Bộ	25	
39	Bu lông chống ăn mòn cường độ cao M5x20	Vật liệu: SS304. Chiều dài: 20 mm Ren: M5 Đơn vị tính: Bịch (20 cái/bịch)			Việt Nam	Bịch	4	
40	Bu lông chống ăn mòn cường độ cao M6x20	Vật liệu: SS304. Chiều dài: 20 mm Ren: M6 Đơn vị tính: Bịch (20 cái/bịch)			Việt Nam	Bịch	4	
41	Bu lông đen chịu nhiệt	Tiêu chuẩn: DIN933 Đường kính thân bulong: M20 Chiều dài bulong: 55 Bước ren: 2.5 mm Vật liệu: Thép 40ACR Cấp bền: 12.9	M20x55	SCRSTAR	Asia	Cái	100	

Handwritten signature

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
42	Bu lông đen chịu nhiệt	Tiêu chuẩn: DIN933 Đường kính thân bulong: M16 Chiều dài bulong: 35 Bước ren: 2.0 mm Vật liệu: Thép 40ACR Cấp bền: 12.9	M16x35	SCRSTAR	Asia	Cái	300	
43	Bu lông đen chịu nhiệt	Tiêu chuẩn: DIN931 Đường kính thân bulong: M20 Chiều dài bulong: 100 Bước ren: 2.5 mm Vật liệu: Thép 40ACR Cấp bền: 12.9	M20x100	SCRSTAR	Asia	Cái	220	
44	Bu lông Inox M12 x L50_A2-70.	- Tiêu chuẩn: DIN 933. - Vật liệu: Inox SUS304. Có ký hiệu trên bulong. - Cấp bền: A2-70 - Chiều dài L; ren suốt: 70 mm - Kích thước ren M12: tiêu chuẩn	M12x70	Creaby/Aozhan	Asia	Cái	200	
45	Bu lông Inox M12 x L70_A2-70.	- Tiêu chuẩn: DIN 933. - Vật liệu: Inox SUS304. Có ký hiệu trên bulong. - Cấp bền: A2-70 - Chiều dài L; ren suốt: 70 mm - Kích thước ren M12: tiêu chuẩn	M12x70	Creaby/Aozhan	Asia	Cái	100	
46	Bu lông Inox M12xL80_A2-70.	- Tiêu chuẩn: DIN 933. - Vật liệu: Inox SUS304. Có ký hiệu trên bulong. - Cấp bền: A2-70 - Chiều dài L; ren suốt: 80 mm - Kích thước ren M12: tiêu chuẩn	M12x80	Creaby/Aozhan	Asia	Cái	116	
47	Bu lông Inox M16xL100_A2-70.	- Tiêu chuẩn: DIN 933. - Vật liệu: Inox SUS304. Có ký hiệu trên bulong. - Cấp bền: A2-70 - Chiều dài L; ren suốt: 100 mm - Kích thước ren M16: tiêu chuẩn	M16x100	Creaby/Aozhan	Asia	Cái	266	
48	Bu lông Inox M12xL100_A2-70.	- Tiêu chuẩn: DIN 933. - Vật liệu: Inox SUS304. Có ký hiệu trên bulong. - Cấp bền: A2-70 - Chiều dài L; ren suốt: 100 mm - Kích thước ren M12: tiêu chuẩn	M12x100	Creaby/Aozhan	Asia	Cái	74	
49	Bu lông Inox M12xL90_A2-70.	- Tiêu chuẩn: DIN 933. - Vật liệu: Inox SUS304. Có ký hiệu trên bulong. - Cấp bền: A2-70 - Chiều dài L; ren suốt: 90 mm - Kích thước ren M12: tiêu chuẩn	M12x90	Creaby/Aozhan	Asia	Cái	216	
50	Bu lông Inox M12xL150_A2-70.	- Tiêu chuẩn: DIN 933. - Vật liệu: Inox SUS304. Có ký hiệu trên bulong. - Cấp bền: A2-70 - Chiều dài L; ren suốt: 150 mm - Kích thước ren M12: tiêu chuẩn	M12x150	Creaby/Aozhan	Asia	Cái	48	
51	Bu lông M12 x30 inox 304	Bulông M12 x30mm có bù long đường kính 12 mm, dài 30mm Bước ren 1.25mm ren thông dụng nhất Chiều dài cả bu long và ren 36mm Xiết mở dùng cờ lê 19mm			Vietnam	Cái	100	
52	Bu lông M6x30 inox 304	+Tiêu chuẩn: DIN 933. + Vật liệu: Inox SUS316 + Cấp bền: A2-70. Có ký hiệu trên bulong. + Kích thước ren M6: tiêu chuẩn			Vietnam	Cái	140	

26

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
53	Bu lông M8x30 inox 304	+Tiêu chuẩn: DIN 933. + Vật liệu: Inox SUS316 + Cấp bền: A2-70. Có ký hiệu trên bulong. + Kích thước ren M8: tiêu chuẩn			Vietnam	Cái	140	
54	Bu lông thép đen chịu nhiệt M12x30	M12x30 (8.8), 1 bộ bao gồm: 1 bu lông + 1 đai ốc + 2 vòng đệm DIN933	M12x30		Việt Nam	Bộ	2.880	
55	Bulong & Đai ốc M10 x30	Bolt size: M10 x30, DIN933 Material: SS304 1 bộ gồm: 01 bolt M10, 01 Nut	M10x30	Creaby/Aozhan	Asia	Bộ	58	
56	Bulong & Đai ốc M10 x40	Bolt size: M10 x40, DIN933 Material: SS304 1 bộ gồm: 01 bolt M10, 01 Nut	M10x40	Creaby/Aozhan	Asia	Bộ	70	
57	Bulong & Đai ốc M12 x30	Bolt size: M12 x30, DIN933 Material: SS304 1 bộ gồm: 01 bolt M12, 01 Nut	M12x30	Creaby/Aozhan	Asia	Bộ	65	
58	Bulong & Đai ốc M12 x40	Bolt size: M12 x40, DIN933 Material: SS304 1 bộ gồm: 01 bolt M12, 01 Nut	M12x40	Creaby/Aozhan	Asia	Bộ	410	
59	Bulong & Đai ốc M5 x20	Bolt size: M5 x20, DIN933 Material: SS304 1 bộ gồm: 01 bolt M5, 01 Nut	M5x20	Creaby/Aozhan	Asia	Bộ	115	
60	Bulong & Đai ốc M5 x30	Bolt size: M5 x30, DIN933 Material: SS304 1 bộ gồm: 01 bolt M5, 01 Nut	M5x30	Creaby/Aozhan	Asia	Bộ	145	
61	Bulong & Đai ốc M6 x20	Bolt size: M6 x20, DIN933 Material: SS304 1 bộ gồm: 01 bolt M6, 01 Nut	M6x20	Creaby/Aozhan	Asia	Bộ	35	
62	Bulong & Đai ốc M6 x30	Bolt size: M6 x30, DIN933 Material: SS304 1 bộ gồm: 01 bolt M6, 01 Nut	M6x30	Creaby/Aozhan	Asia	Bộ	40	
63	Bulong & Đai ốc M8 x30	Bolt size: M8 x30, DIN933 Material: SS304 1 bộ gồm: 01 bolt M8, 01 Nut	M8x30	Creaby/Aozhan	Asia	Bộ	130	
64	Bulong & Đai ốc M8 x40	Bolt size: M8 x40, DIN933 Material: SS304 1 bộ gồm: 01 bolt M8, 01 Nut	M8x40	Creaby/Aozhan	Asia	Bộ	63	
65	Bulong + đai ốc cường độ cao M24x75 - 10.9	Bulong + đai ốc (thép hợp kim mạ kẽm) Bulong cường độ cao M24x75 - 10.9, Standard: EN 14399-8				Bộ	100	
66	BULONG LỤC GIÁC CHÌM ĐẦU CÔN INOX	Vật liệu: Inox 304 Size: M8, L=35mm	M8x35	Creaby/Aozhan	Asia	Cái	50	
67	BULONG LỤC GIÁC CHÌM ĐẦU CÔN INOX	Vật liệu: Inox 304 Size: M10, L=40mm	M10x40	Creaby/Aozhan	Asia	Cái	30	
68	BULONG LỤC GIÁC CHÌM ĐẦU CÔN INOX	Vật liệu: Inox 304 Size: M12, L=50mm	M12x50	Creaby/Aozhan	Asia	Cái	490	
69	BULONG LỤC GIÁC CHÌM ĐẦU CÔN INOX	Vật liệu: Inox 304 Size: M16, L=60mm	M16x60	Creaby/Aozhan	Asia	Cái	170	
70	Bulong lục giác chìm đầu côn Inox M12x50	Vật liệu: Inox 304 Size: M12, L=30mm			EU	Cái	100	
71	Bulong nhựa PP M10x60	Kích thước: M10x60 Tiêu chuẩn DIN 933 Vật liệu: Nhựa PP màu trắng Bao gồm: 01 Bulong, 01 đai ốc, 02 vòng đệm			Vietnam	Bộ	50	
72	Bulong nhựa PP M12x60	Kích thước: M12x60 Tiêu chuẩn DIN 933 Vật liệu: Nhựa PP màu trắng Bao gồm: 01 Bulong, 01 đai ốc, 02 vòng đệm			Vietnam	Bộ	50	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	DVT	Số lượng	Ghi chú
73	Bulong nhựa PP M14x60	Kích thước: M14x60 Tiêu chuẩn DIN 933 Vật liệu: Nhựa PP màu trắng Bao gồm: 01 Bulong, 01 đai ốc, 02 vòng đệm			Vietnam	Bộ	50	
74	Co 1 đầu ren 1/2"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Male Elbow, 1/2 in. Tube OD x 1/2 in. Male NPT Part #: SS-810-2-8	SS-810-2-8	Swagelok	EU/G7	Bộ	5	
75	Co 1 đầu ren 1/4"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Male Elbow, 1/4 in. Tube OD x 3/8 in. Male NPT Part #: SS-400-2-6	SS-400-2-6	Swagelok	EU/G7	Bộ	5	
76	Co 1 đầu ren 1/4"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Male Elbow, 1/4 in. Tube OD x 1/4 in. Male NPT Part #: SS-400-2-4	SS-400-2-4	Swagelok	EU/G7	Bộ	2	
77	Co 1 đầu ren 3/8"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Male Elbow, 3/8 in. Tube OD x 3/8 in. Male NPT Part #: SS-600-2-6	SS-600-2-6	Swagelok	EU/G7	Bộ	11	
78	Co 1/4"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Union Elbow, 1/4 in. Tube OD Part #: SS-400-9	SS-400-9	Swagelok	EU/G7	Bộ	3	
79	Co 10mm	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Union Elbow, 10 mm Tube OD Part #: SS-10M0-9	SS-10M0-9	Swagelok	EU/G7	Bộ	3	
80	Co 3/4"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Union Elbow, 3/4 in. Tube OD Part #: SS-1210-9	SS-1210-9	Swagelok	EU/G7	Bộ	3	
81	Co 3/8"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Union Elbow, 3/8 in. x 1/4 in. Tube OD Part #: SS-600-9-4	SS-600-9-4	Swagelok	EU/G7	Bộ	3	
82	Co 90 phi 273	Kích thước : OD273,1x3mm Vật liệu: Thép không gỉ C276			Asia	Cái	6	
83	Cổ dè 25-40mm	- Cổ dè siết ống cánh bướm INOX 304; - Đường kính: 25-40mm	Cổ dè		Asia	Cái	100	
84	Co inox 90 độ DN100	Kích thước: DN100 Vật liệu: Inox 304 Tiêu chuẩn: SCH 10	Co 90 DN100	QMS	Vietnam	Cái	9	
85	Co inox 90 độ DN15	Kích thước: DN15 Vật liệu: Inox 304 Tiêu chuẩn: SCH 10	Co 90 DN15	QMS	Vietnam	Cái	49	
86	Co inox 90 độ DN20	Kích thước: DN20 Vật liệu: Inox 304 Tiêu chuẩn: SCH 10	Co 90 DN20	QMS	Vietnam	Cái	14	
87	Co inox 90 độ DN25	Kích thước: DN25 Vật liệu: Inox 304 Tiêu chuẩn: SCH 10	Co 90 DN25	QMS	Vietnam	Cái	4	
88	Co inox 90 độ DN32	Kích thước: DN32 Vật liệu: Inox 304 Tiêu chuẩn: SCH 10	Co 90 DN32	QMS	Vietnam	Cái	9	
89	Co inox 90 độ DN40	Kích thước: DN40 Vật liệu: Inox 304 Tiêu chuẩn: SCH 10	Co 90 DN40	QMS	Vietnam	Cái	9	
90	Co inox 90 độ DN50	Kích thước: DN50 Vật liệu: Inox 304 Tiêu chuẩn: SCH 10	Co 90 DN50	QMS	Vietnam	Cái	9	
91	Co inox 90 độ DN65	Kích thước: DN65 Vật liệu: Inox 304 Tiêu chuẩn: SCH 10	Co 90 DN65	QMS	Vietnam	Cái	9	
92	Co inox 90 độ DN80	Kích thước: DN80 Vật liệu: Inox 304 Tiêu chuẩn: SCH 10	Co 90 DN80	QMS	Vietnam	Cái	9	
93	Co nhựa UPVC 1.1/2" 90 độ	Size: DN 1.1/2" Vật liệu: Nhựa UPVC Tiêu chuẩn: SCH80 ASTM			Việt Nam	Cái	15	
94	Co nhựa UPVC 1/2" 90 độ	Size: DN 1/2" Vật liệu: Nhựa UPVC Tiêu chuẩn: SCH80 ASTM			Việt Nam	Cái	15	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
95	Co nhựa UPVC 2" 90 độ	Size: DN 2" Vật liệu: Nhựa UPVC Tiêu chuẩn: SCH80 ASTM			Việt Nam	Cái	15	
96	Co nhựa UPVC 2.1/2" 90 độ	Size: DN 2.1/2" Vật liệu: Nhựa UPVC Tiêu chuẩn: SCH80 ASTM			Việt Nam	Cái	15	
97	Co nhựa UPVC 3/4" 90 độ	Size: DN 3/4" Vật liệu: Nhựa UPVC Tiêu chuẩn: SCH80 ASTM			Việt Nam	Cái	15	
98	Co nhựa UPVC 90 độ	Size: DN 2.1/2" Tiêu chuẩn: SCH80 ASTM		SHIEYU	Đài Lan	Cái	5	
99	Co nhựa UPVC 90 độ	Size: DN 2" Tiêu chuẩn: SCH80 ASTM		SHIEYU	Đài Lan	Cái	5	
100	Co nhựa UPVC 90 độ	Size: DN 1" Tiêu chuẩn: SCH80 ASTM		SHIEYU	Đài Lan	Cái	10	
101	Đai ốc	M27, Standard: DIN 935 (thép hợp kim mạ kẽm)				Cái	50	
102	Đai ốc + Long đèn 10mm	ĐAI ỐC LỤC GIÁC INOX DIN 934 Đường kính ren: M10 Dày: 8mm	M10	Creaby/ Aozhan	Asia	Bộ	20	
103	Đai ốc + Long đèn 12mm	ĐAI ỐC LỤC GIÁC INOX DIN 934 Đường kính ren: M12 Dày: 10mm	M12	Creaby/ Aozhan	Asia	Bộ	150	
104	Đai ốc + Long đèn 5mm	ĐAI ỐC LỤC GIÁC INOX DIN 934 Đường kính ren: M5 Dày: 4mm	M5	Creaby/ Aozhan	Asia	Bộ	30	
105	Đai ốc + Long đèn 6mm	ĐAI ỐC LỤC GIÁC INOX DIN 934 Đường kính ren: M6 Dày: 5mm	M6	Creaby/ Aozhan	Asia	Bộ	40	
106	Đai ốc + Long đèn 8mm	ĐAI ỐC LỤC GIÁC INOX DIN 934 Đường kính ren: M8 Dày: 6.5mm	M8	Creaby/ Aozhan	Asia	Bộ	50	
107	Đai ốc Inox	M12, Vật liệu inox 304	Nut M12	Creaby/ Aozhan	Asia	Cái	100	
108	Đai ốc lục giác M12_A2-70.	- Tiêu chuẩn: DIN 934. - Vật liệu: Inox SUS304. Có ký hiệu trên đai ốc. - Cấp bền: A2-70 - Độ dày đai ốc m: 10mm - Chiều ngang cạnh đai ốc s: 19mm	Nut M12	Creaby/ Aozhan	Asia	Cái	992	
109	Đai ốc lục giác M16_A2-70.	- Tiêu chuẩn: DIN 934. - Vật liệu: Inox SUS304. Có ký hiệu trên đai ốc. - Cấp bền: A2-70 - Độ dày đai ốc m: 13mm - Chiều ngang cạnh đai ốc s: 24mm	Nut M16	Creaby/ Aozhan	Asia	Cái	98	
110	Hộp O-ring	Vật liệu: RII VITON -Độ cứng: 75 Shore -Kích thước: 24 Size -Số lượng: 295 pcs/ hộp	O-Ring Box	China	Asia	Hộp	7	
111	Khay chứa cáp quang 24FO loại lớn	-Chi tiết kỹ thuật hộp măng xông cáp quang 24FO - Kích thước: 32x12x6,5 (cm) - Trọng lượng : 1.5 (Kg) - Chất liệu: Nhựa ABS - Số cổng cáp vào ra: 4 port, 2 vào - 2 ra - Điện trở cách điện: $\geq 2 \times 10^4 M\Omega$. - Dung lượng lõi cáp: 36 core	24FO	FASTTEL	Việt Nam	Cái	10	
112	Lọc chữ Y nhựa UPVC	Size: DN 2" Tiêu chuẩn: SCH80 ASTM		SHIEYU	Đài Lan	Cái	5	
113	Lọc chữ Y nhựa UPVC	Size: DN 3" Tiêu chuẩn: SCH80 ASTM		SHIEYU	Đài Lan	Cái	5	
114	Lọc chữ Y nhựa UPVC 1"	Model : SH10 Chất liệu : UPVC Kích cỡ : DN 1" Kiểu kết nối : dán keo/ren Tiêu chuẩn : ANSI Áp lực làm việc : 150 PSI		TOMUR		Cái	5	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
115	Lọc chữ Y nhựa UPVC 1/2"	Model : SH10 Chất liệu : UPVC Kích cỡ : DN 1/2" Kiểu kết nối : dán keo/ren Tiêu chuẩn : ANSI Áp lực làm việc : 150 PSI		TOMUR		Cái	10	
116	Lông đèn chống xoay 24, DIN 25201	DIN 25201 (thép hợp kim mangan)				Cái	200	
117	Lông đèn phẳng Inox 304 DIN125 M12	- Dung Cho Bulong: M12 - Đường Kính Trong: 13 mm - Đường Kính Ngoài: 24 mm - Độ Dày: 2.5 mm - Hình Dạng: Phẳng - Hệ Kích Thước: Mét - Vật Liệu: Inox 304 - Tiêu Chuẩn: DIN 125	1649410156	OEM	China	Cái	100	
118	Long-đèn (Vòng đệm) vênh M12_A2-70	- Tiêu chuẩn: DIN 933. - Vật liệu: Inox SUS304 - Cấp bền: A2-70 - Độ dày long-đen s: 2.5mm - Đường kính trong d1: 12.2mm - Đường kính ngoài: d2: 21.1mm - Có độ đàn hồi.	Spring M12	Creaby/Aozhan	Asia	Cái	666	
119	Long-đèn (Vòng đệm) vênh M16_A2-70	- Tiêu chuẩn: DIN 933. - Vật liệu: Inox SUS304 - Cấp bền: A2-70 - Độ dày long-đen s: 3.5mm - Đường kính trong d1: 16.2mm - Đường kính ngoài: d2: 27.4mm - Có độ đàn hồi.	Spring M16	Creaby/Aozhan	Asia	Cái	153	
120	Lục Giác Chim Đầu Trụ Inox 304 M4x25 + đai ốc	Vật liệu: INOX 304 Hệ Kích Thước: Mét Size Ren: M4 Bước Ren: 0.7 mm Loại Ren: Thô Tiêu Chuẩn: DIN 912 Chiều Dài: 25 mm Loại Đầu: Đầu Trụ Vật Liệu: Inox 304 Phân Bỏ Ren: Ren Suốt Đường Kính Đầu: 7 mm Chiều Cao Đầu: 4 mm	M4x25	Creaby/Aozhan	Asia	Bộ	40	
121	MS 6000 three-phase motor cables	TML-B motor cables EPR outer sheath (ethylene propylene rubber) Motor type: MS6000 Cable Length (m): 30 Cross-section (mm2): 4G 10.0 Product numbers: Plug steel grade N: 96164217 Plug steel grade R:96300128	TM079609	GRUNDFOS	Hungary	Mét	50	
122	MS 6000 three-phase motor cables	TML-B motor cables EPR outer sheath (ethylene propylene rubber) Motor type: MS6000 Cable Length (m): 30 Cross-section (mm2): 4G 10.0 Product numbers: Plug steel grade N: 96164217 Plug steel grade R:96300128	TM079609	GRUNDFOS	Hungary	Mét	30	
123	Nối 1 đầu ren 1/2"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Male Connector, 1/2 in. Tube OD x 1/2 in. Male NPT Part #: SS-810-1-8	SS-810-1-8	Swagelok	EU/G7	Bộ	21	
124	Nối 1 đầu ren 1/4"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Male Connector, 1/4 in. Tube OD x 1/4 in. Male NPT Part #: SS-400-1-4	SS-400-1-4	Swagelok	EU/G7	Bộ	21	
125	Nối 1 đầu ren 1/4"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Male Connector, 1/4 in. Tube OD x 1/2 in. Male NPT - SS-400-1-8	SS-400-1-8	Swagelok	EU/G7	Cái	20	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	DVT	Số lượng	Ghi chú
126	Nối 1 đầu ren 10	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Bored-Through Male Connector, 10 mm Tube OD x 3/8 in. Male NPT Part #: SS-10M0-1-6BT	SS-10M0-1-6BT	Swagelok	EU/G7	Bộ	11	
127	Nối 1 đầu ren 3/4"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Male Connector, 3/4 in. Tube OD x 3/4 in. Male NPT Part #: SS-1210-1-12	SS-1210-1-12	Swagelok	EU/G7	Bộ	27	
128	Nối 1 đầu ren 3/8"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Male Connector, 3/8 in. Tube OD x 3/8 in. Male NPT Part #: SS-600-1-6	SS-600-1-6	Swagelok	EU/G7	Bộ	21	
129	Nối chữ T 3/4"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Union Tee, 3/4 in. Tube OD Part #: SS-1210-3	SS-1210-3	Swagelok	EU/G7	Bộ	12	
130	Nối chữ T 3/8"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Union Tee, 3/8 in. Tube OD Part #: SS-600-3	SS-600-3	Swagelok	EU/G7	Bộ	10	
131	Nối thẳng 1/2"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Union, 1/2 in. Tube OD Part #: SS-810-6	SS-810-6	Swagelok	EU/G7	Bộ	9	
132	Nối thẳng 1/4"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Union, 1/4 in. Tube OD Part #: SS-400-6	SS-400-6	Swagelok	EU/G7	Bộ	15	
133	Nối thẳng 10mm	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Union, 10 mm Tube OD Part #: SS-10M0-6	SS-10M0-6	Swagelok	EU/G7	Bộ	1	
134	Nối thẳng 3/4"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Union, 3/4 in. Tube OD Part #: SS-1210-6	SS-1210-6	Swagelok	EU/G7	Bộ	7	
135	Nối thẳng 3/8"	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Union, 3/8 in. Tube OD Part #: SS-600-6	SS-600-6	Swagelok	EU/G7	Bộ	10	
136	Oil seal	Size: 50x72x7 CFWA1 BAB SL0.5		SKF		Cái	4	
137	Oil seal	Size: 28x40x6 HMSA10 RG		SKF		Cái	4	
138	Oil seal	Size: 95x120x12 HMSA10 RG		SKF		Cái	32	
139	Oil seal	Size: 70x110x13 HMSA10 RG		SKF		Cái	40	
140	Oil seal	Size: 40x58x11 HMSA10 RG		SKF		Cái	8	
141	Oil seal	Size: 25x52x8 HMSA10 RG		SKF		Cái	8	
142	Oil seal	Size: 65x90x13 HMSA10 RG		SKF		Cái	8	
143	Oil seal	Đường kính trong d1: 70 mm Đường kính ngoài D: 110 mm Chiều dày phớt B: 8 mm Vật liệu môi phớt: Nitrile rubber (NBR) Thiết kế phớt: HMSA10 Tiêu chuẩn: ISO 6194; DIN 3760 Nhiệt độ làm việc: -40 độ C đến 100 độ C, quá nhiệt 120 độ C trong thời gian ngắn	7,31657E+12	SKF		Cái	30	
144	OIL SEAL DE	DIN A40X52X7-NBR	13266241	SEW-EURODRIVE	Germany	Cái	5	
145	OIL SEAL DE	W A55x90x8-FKM-FKO-K51	13298305	SEW-EURODRIVE	Germany	Cái	10	
146	OIL SEAL DE	W A40x52x7-FKM-FKO	13261819	SEW-EURODRIVE	Germany	Cái	10	
147	OIL SEAL DE	W A55x90x8-FKM-FKO-K51	13298305	SEW-EURODRIVE	Germany	Cái	10	
148	OIL SEAL DE	DIN A40X52X7-NBR	13266241	SEW-EURODRIVE		Cái	10	
149	OIL SEAL NDE	W BAOFSF27X47X6/7-NBR	08975957	SEW-EURODRIVE	Germany	Cái	10	
150	OIL SEAL NDE	W BAOFSF27X47X6/7-NBR	08975957	SEW-EURODRIVE		Cái	10	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
151	Ống bơm nước	- Ống bơm nước cốt dùi: - Đường kính trong: 50mm - Độ dày: 2mm - Chiều dài: 50m		Araz	Asia	Cuộn	1	
152	Ống Cao Su Fluoro (Viton) Màu Đen	- Đường kính ngoài: 8mm. - Đường kính trong: 5mm. - Chịu nhiệt cao.	Ống Viton		Asia	Mét	5	
153	Ống inox 304 - DN100	Kích thước: DN100 Tiêu chuẩn độ dày: SCH10 Vật liệu: Inox 304	Ống DN100	Sơn Hà/ Nam Phát	Vietnam	mét	29	
154	Ống inox 304 - DN25	Kích thước: DN25 Tiêu chuẩn độ dày: SCH10 Vật liệu: Inox 304	Ống DN25	Sơn Hà/ Nam Phát	Vietnam	mét	23	
155	Ống inox 304 - DN32	Kích thước: DN32 Tiêu chuẩn độ dày: SCH10 Vật liệu: Inox 304	Ống DN32	Sơn Hà/ Nam Phát	Vietnam	mét	41	
156	Ống inox 304 - DN40	Kích thước: DN40 Tiêu chuẩn độ dày: SCH10 Vật liệu: Inox 304	Ống DN40	Sơn Hà/ Nam Phát	Vietnam	mét	35	
157	Ống inox 304 - DN50	Kích thước: DN50 Tiêu chuẩn độ dày: SCH10 Vật liệu: Inox 304	Ống DN50	Sơn Hà/ Nam Phát	Vietnam	mét	23	
158	Ống inox 304 - DN65	Kích thước: DN65 Tiêu chuẩn độ dày: SCH10 Vật liệu: Inox 304	Ống DN65	Sơn Hà/ Nam Phát	Vietnam	mét	29	
159	Ống inox 304 - DN80	Kích thước: DN80 Tiêu chuẩn độ dày: SCH10 Vật liệu: Inox 304	Ống DN80	Sơn Hà/ Nam Phát	Vietnam	mét	23	
160	Ống inox 316 phi 6mm	Đường kính ngoài O.D: 6mm Độ dày: 1mm Chiều dài: 6000mm Vật liệu: 316L	Ống 6mm	Sơn Hà/ Nam Phát	Vietnam	Cây	2	
161	Ống inox 316 1/2"	Đường kính ngoài O.D: 1/2" Độ dày: 0.049" Chiều dài: 6000mm Vật liệu: 316L	Ống 1/2"	Sơn Hà/ Nam Phát	Vietnam	Cây	32	
162	Ống inox 316 1/4"	Đường kính ngoài O.D: 1/4" Độ dày: 0.035" Chiều dài: 6000mm Vật liệu: 316L	Ống 1/4"	Sơn Hà/ Nam Phát	Vietnam	Cây	5	
163	Ống inox 316 10mm	Đường kính ngoài O.D: 10mm Độ dày: 1.5mm hoặc 1mm Chiều dài: 6000mm Vật liệu: 316L	Ống 10mm	Sơn Hà/ Nam Phát	Vietnam	Cây	24	
164	Ống inox 316 3/4"	Đường kính ngoài O.D: 3/4" Độ dày: 2.11mm Chiều dài: 6000mm Vật liệu: 316L	Ống 3/4"	Sơn Hà/ Nam Phát	Vietnam	Cây	30	
165	Ống inox 316 3/8"	Đường kính ngoài O.D: 3/8" hoặc 9.53mm Độ dày: 0.049" hoặc 1.65mm Chiều dài: 6000mm Vật liệu: 316L	Ống 3/8"/ 9.53mm	Sơn Hà/ Nam Phát	Vietnam	Cây	11	
166	Ống inox tubing 1/2" SS316	Đường kính (in): 1/2" Đường kính (mm): 12.7 mm Chiều dài: 6m Độ dày: 0.065" Vật liệu: Stainless Steel (SS316) Weight : 0,45 kg/m Working Pressure: 5100 psig	SS-T8-S-065-6ME	Swagelok	G7/EU	Cây	8	
167	Ống inox tubing 1/4" SS316	Đường kính (in): 1/4" Đường kính (mm): 6.35 mm Chiều dài: 6m Độ dày: 0.049" Vật liệu: Stainless Steel (SS316) Weight : 0,16 kg/m Working Pressure: 7500 psig	SS-T4-S-049-6ME	Swagelok	G7/EU	Cây	8	
168	Ống inox tubing 3/4" SS316	Đường kính (in): 3/4" Đường kính (mm): 19.05 mm Chiều dài: 6m Độ dày: 0.065" Vật liệu: Stainless Steel (SS316) Weight : 0,71 kg/m Working Pressure: 3300 psig	SS-T12-S-065-6ME	Swagelok	G7/EU	Cây	8	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
169	Ống inox tubing 3/8" SS316	Đường kính (in): 3/8" Đường kính (mm): 9.53 mm Chiều dài: 6m Độ dày: 0.049" Vật liệu: Stainless Steel (SS316) Weight : 0,25 kg/m Working Pressure: 4800 psig	SS-T6-S-049-6ME	Swagelok	G7/EU	Cây	8	
170	Ống Inox, đường kính 3mm	Vật liệu: Inox 304 Đường kính: 3mm Chiều dài: 300mm	Ống DN32	Sơn Hà/ Nam Phát	Vietnam	Cây	1	
171	Ống khí nén 10mm	Màu sắc: màu xanh Áp suất hoạt động: 0,95-10bar Đường kính trong: 7.0mm Đường kính ngoài: 10.0mm	PUN-10x1.5-BL	FESTO	Germany	Mét	100	
172	Ống khí nén 6mm	Màu sắc: màu xanh Áp suất hoạt động: 0,95-10bar Đường kính trong: 4.0mm Đường kính ngoài: 6.0mm	PUN-6x1-BL	FESTO	Germany	Mét	100	
173	Ống khí nén 8mm	Màu sắc: màu xanh Áp suất hoạt động: 0,95-10bar Đường kính trong: 5.7mm Đường kính ngoài: 8.0mm	PUN-8x1.25-BL	FESTO	Germany	Mét	100	
174	Ống mềm inox 316 1/2" (Flexible tubing 1/2")	Fitting: One male 1/2" and one female 1/2" Length: 1000 mm Material: 316L	SS-FJ8SL8AS8-100CM + Fittings	Swagelok	G20	sợi	17	
175	Ống mềm inox 316 1/4" (Flexible tubing 1/4")	Fitting: Female 1/4" Length: 2000 mm Material: 316L	SS-FJ4SL4AS4 + Fittings	Swagelok	G20	sợi	6	
176	Ống mềm Teflon chịu áp DN4mm, L=1m, G5/8", WP20Mpa	Đường kính ống: DN 4mm Chiều dài ống: L=1000 mm Áp suất kiểm tra: 200 Bar (20Mpa) Áp suất làm việc: 150 Bar (15Mpa) Nhiệt độ làm việc: -196°C- +80°C Kết nối đường ống vào và ra : Có ren trong M14*1.5 và đai ty ốc G5/8	PT9-105		Trung Quốc	Ống	30	
177	Ống mềm Teflon chịu áp DN4mm, L=2m, G5/8", WP20Mpa	Đường kính ống: DN 4mm Chiều dài ống: L=2000 mm Áp suất kiểm tra: 200 Bar (20Mpa) Áp suất làm việc: 150 Bar (15Mpa) Nhiệt độ làm việc: -196°C- +80°C Kết nối đường ống vào và ra : Có ren trong M14*1.5 và đai ty ốc G5/8			Trung Quốc	Ống	10	
178	Ống mềm Teflon chịu áp DN4mm, L=750mm, G5/8", WP20Mpa	Đường kính ống: DN 4mm Chiều dài ống: L=750 mm Áp suất kiểm tra: 200 Bar (20Mpa) Áp suất làm việc: 150 Bar (15Mpa) Nhiệt độ làm việc: -196°C- +80°C Kết nối đường ống vào và ra : Có ren trong M14*1.5 và đai ty ốc G5/8	PT9-104		Trung Quốc	Ống	30	
179	Ống teflon PTFE	- Chịu hóa chất. - Màu trắng sữa. - Đường kính ngoài 12mm. - Độ dày 1mm.		OEM	China	Mét	40	
180	Ống thủy lực	Parker No-skive 731-12 WP 42,0Mpa (6000 psi). DN 3/4". dài 2m ,bấm cos 2 đầu loại Female M30x2 mm (Female Metric 24° Light Series with O-Ring Swivel – Straight: KCAV4-22-12)	731-12	Parker	Global	Cái	2	
181	Ống thủy lực	- NO- SKIVE 731-20WP 32,5MPa (4700PSI) MSHA IC-195/- 31,5mm(1 1/4) X 4S EN856-4SH/32 - Bấm cos 2 đầu ren ngoài inox - Dài 2m - Đầu ép ống phi 32mm - ren ngoài M42mm (1 1/4") (chất liệu Inox)		Parker	Italy	Cái	3	
182	PUMP TUBE, MICROMAC	PUMP TUBE, MICROMAC	STA-M103-03	Systea	Italia	Bộ	4	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
183	Rockwool Board insulation	Density: 120 KG/M3 SIZE: 1.2 M x 0.6 M THICKNESS: 100 MM		SHENZHEN SED	CHINA	Tám	50	
184	Stainless Steel Swagelok Tube Fitting, Union, 1 in. Tube OD	Body Material: 316 Stainless Steel Bored Through: No Cleaning Process: Standard Cleaning and Packaging (SC-10) Connection 1 Size: 1 in. Connection 1 Type: Swagelok® Tube Fitting Connection 2 Size: 1 in. Connection 2 Type : Swagelok® Tube Fitting	SS-1610-6	Swagelok		Cái	10	
185	Tán Bu lông chịu chống ăn mòn, cường độ cao	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4032 M8,100pcs/Box.	Nut M8	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	3	
186	Tán Bu lông chịu chống ăn mòn, cường độ cao	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4032 M10,50pcs/Box,	Nut M10	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	2	
187	Tán Bu lông chịu chống ăn mòn, cường độ cao	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4032 M12,50pcs/Box,	Nut M12	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	14	
188	Tán Bu lông chịu chống ăn mòn, cường độ cao	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4032 M14,50pcs/Box,	Nut M14	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	7	
189	Tán Bu lông chịu chống ăn mòn, cường độ cao	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4032 M16,25pcs/Box,	Nut M16	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	19	
190	Tán Bu lông chịu chống ăn mòn, cường độ cao	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4032 M20,25pcs/Box,	Nut M20	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	6	
191	Tán Bu lông chịu chống ăn mòn, cường độ cao	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4032 M24,10pcs/Box	Nut M24	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	9	
192	Tán Bu lông chịu chống ăn mòn, cường độ cao	316L High Mo (Cr 17%, Mo 2.7%, Ni 0.04%), Yield Strength 640 Mpa, ISO4032 M18,10pcs/Box,	Nut M18	Creaby/Aozhan	Asia	Hộp	6	
193	Tubing Kit (Silica Analyzer)	Bộ phụ kiện ống thay thế định kỳ dùng trong máy phân tích Silica, Chất liệu PTFE: Ống dẫn màu xanh da trời/xanh lá cây/xám/đen/nâu/cam/ tím/đỏ Xuất xứ: ABB/UK - (Tương đương Odercod AW601176 được sử dụng cho máy phân tích Silica ABB navigator 600)	AW601176	ABB	USA	Bộ	4	
194	TUBING SILICONE 1.8X4.0MM	TUBING SILICONE 1.8X4.0MM	562-3050-X2	Systea	Italia	Mét	10	
195	TUBING TEFLON 1 x 1,5 mm	TUBING TEFLON 1 x 1,5 mm	562-3019-X1	Systea	Italia	Mét	10	
196	TUBING, T. 0.045	TUBING, T. 0.045	116-0536-10	Systea	Italia	Mét	2	
197	TUBING, T. 0.081	TUBING, T. 0.081	116-0536-15	Systea	Italia	Mét	2	
198	Y LỌC RẮC CO	Type: 28615 Size: DN15 (1/2") Vật liệu: UPVC	SH10		Việt Nam	Cái	9	
199	Silicagel (hạt hút ẩm)	Hạt màu xanh dương; đóng gói kín; gói 1kg.	Hạt hút ẩm		Asia	Kg	75	
200	Absorber (hút ẩm)	Description: Drying agent cartridge SICK MAIHAK, 2010549 - DESICCANT CARTRIDGE FOR GM32	2010549	Sick	G20	Cái	16	

Handwritten signature/initials